

BÁO CÁO

Tình hình kinh tế-xã hội tháng 01 năm 2022

1. Sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản

1.1. Nông nghiệp

a) Trồng trọt

Nhiệm vụ trọng tâm của sản xuất nông nghiệp trong tháng là gieo sạ, chăm sóc lúa đông xuân; trồng, chăm sóc, thu hoạch rau, đậu phục vụ nhu cầu tiêu dùng, nhất là trong dịp Tết và thu hoạch mỳ. Bên cạnh đó, các loại cây ăn quả lâu năm như chuối, bưởi, bòng, dứa, ổi, xoài... cũng được khẩn trương chăm sóc, để tiêu thụ trong dịp Tết Nguyên đán Nhâm Dần.

Ngay từ đầu vụ, các cơ quan chức năng của tỉnh đã phối hợp với các huyện, thị xã, thành phố đơn đốc các địa phương theo dõi, thanh tra, kiểm tra giống, vật tư nông nghiệp phục vụ sản xuất; tổ chức diệt chuột trước khi gieo sạ,... Tuy nhiên, do ảnh hưởng các đợt không khí lạnh đầu năm gây mưa kéo dài, nhiều diện tích bị ngập nước nên tiến độ gieo trồng các loại cây còn chậm.

Thời gian gieo sạ lúa đại trà vụ đông xuân 2021-2022 được cơ quan chức năng khuyến cáo bắt đầu từ ngày 15/12/2021 đến ngày 10/01/2022. Đến ngày 15/01/2022, gieo sạ được 36.826,9 ha, tăng 2,4% so với cùng thời điểm năm 2021. Mặc dù ảnh hưởng của nhiều đợt không khí lạnh, gây mưa kéo dài nhưng người dân tranh thủ thời tiết nắng trở lại đã xuống giống để đảm bảo thời gian qui định. Phần lớn diện tích lúa đang ở giai đoạn mới sạ đến 5 lá. Giống được sử dụng trong vụ đông xuân này gồm các loại như: Giống chủ lực: ĐH815-6, Bắc Thịnh, Thiên ưu 8, Đài Thơm 8, TBR225, Hà Phát 3, DT45; Giống bổ sung: KD28, MT10, QNg13, QNg128, Thiên Hương 6 (QNg6), ĐT100, VNR20.

Tiến độ gieo trồng vụ đông xuân đến ngày 15/01/2022 (Nghìn ha) (So với cùng kỳ năm trước)



Lúa

36,8 ↑ 2,4%



Ngô

3,1 ↑ 53,9%



Lạc

2,5 ↑ 77,7%



Rau đậu các loại

4,3 ↑ 17,9%

Diện tích gieo trồng một số cây khác vụ đông xuân tính đến ngày 15/01/2022 như sau: Diện tích ngô gieo trồng đạt 3.114,1 ha, tăng 53,9% so với cùng thời điểm năm 2021. Diện tích khoai lang đạt 77,2 ha, giảm 29,8%. Diện tích lạc đạt 2.520,4 ha, tăng 77,7%. Đậu tương đạt 4,0 ha, giảm 60,4%. Diện tích

rau đạt 3.502,6 ha, tăng 21,1%. Diện tích đậu đạt 773,2 ha, tăng 5,4% so với tháng 01 năm 2021.

*** Tình hình sâu bệnh gây hại cây trồng trong tháng:**

- **Cây lúa:** Tổng diện tích bị gây hại là 1.995 ha (gồm: bị hại nhẹ 1.335,0 ha, trung bình 514,5 ha, nặng 145,5 ha). Trong đó, diện tích chuột gây hại 150,0 ha; Ốc bươu vàng gây hại 1.489,0 ha; Bọ trĩ: 139,5 ha; Ruồi đục nõn: 166,5 ha; Sâu cuốn lá nhỏ: 50,0 ha. Ngoài ra, còn có sâu năn, sâu phao, tuyến trùng rễ, bệnh đạo ôn lá, bệnh đốm nâu nghệt rễ... phát sinh gây hại cục bộ trên các trà lúa.

Trong tháng đã chỉ đạo phòng trừ được 1.620 ha diện tích nhiễm sinh vật gây hại trên các trà lúa.

- **Cây rau màu các loại:** Tổng diện tích nhiễm là 33,0 ha (gồm: Nhiễm nhẹ 26,0 ha, trung bình 6,0 ha, nhiễm nặng 1,0 ha). Trong đó, diện tích nhiễm bệnh lở cổ rễ 14,0 ha; Bệnh héo xanh 7,0 ha; Bệnh đốm lá 10,5 ha; Bệnh khô đầu lá cây tỏi 1,5 ha. Ngoài ra, còn có sâu khoang, sâu tơ, sâu xanh da láng, sâu keo mùa thu, bọ nhậy, rệp, bệnh thán thư, bệnh đốm lá, khô đầu lá, bệnh sương mai, giả sương mai...phát sinh gây hại rải rác trên các loại cây rau màu, bệnh tua mực gây hại trên cây quế...và một số sâu bệnh gây hại trên cây hoa.

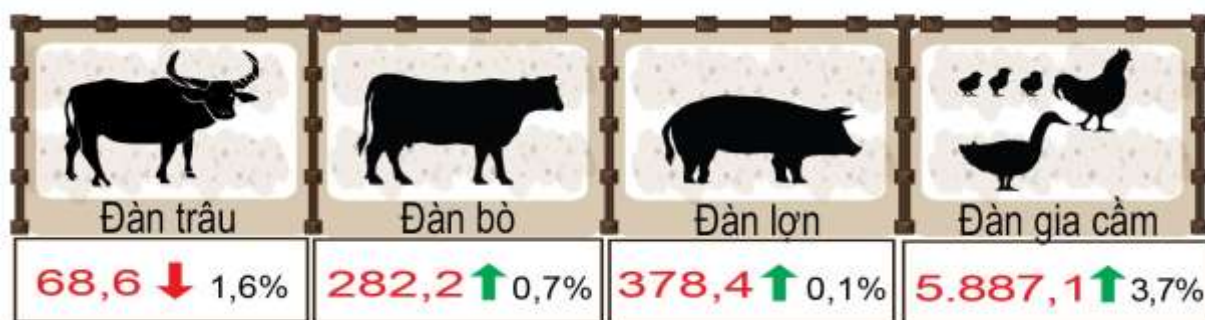
Trong tháng đã chỉ đạo phòng trừ được 31,5 ha nhiễm sâu bệnh các loại trên cây rau màu.

b) Chăn nuôi

Chăn nuôi đang dần chuyển biến tích cực, giá các loại thịt hơi tăng lên do nhu cầu lên của tháng giáp Tết Nguyên đán, theo đó các hoạt động giết mổ trong tháng cũng tăng lên.

Ước tính đến cuối tháng 01/2022, đàn trâu có 68.635 con, giảm 1,6% so với cùng thời điểm năm 2021; đàn bò có 282.183 con, tăng 0,7%, trong đó đàn bò sữa 2.953 con (bò mẹ cho sữa 1.212 con); đàn lợn có 378.410 con (không tính lợn con chưa tách mẹ), tăng 0,1%; đàn gia cầm có 5.887,1 ngàn con, tăng 3,7% (trong đó, đàn gà có 4.601,12 ngàn con, tăng 3,7% so với cùng thời điểm năm 2021).

Số lượng đàn gia súc, gia cầm thời điểm 31/01/2022 (Nghìn con)
(So với cùng thời điểm năm trước)



***Tình hình dịch bệnh gia súc, gia cầm tháng 12/2021:**

- Bệnh Viêm da nổi cục (VDNC) trâu bò: Trong tháng 12/2021, không có ổ dịch mới. Tính chung cả năm 2021, có 18.081 con bò mắc bệnh, làm chết tiêu hủy 842 con với tổng trọng lượng 125.398 kg. Đến thời điểm báo cáo đã có 17.239 con khỏi triệu chứng.

- Dịch tả lợn Châu Phi: Trong tháng 12/2021, có 5 cơ sở chăn nuôi bị bệnh, làm chết và tiêu hủy 42 con với trọng lượng 2.633 Kg. Tính chung cả năm 2021, có 1.330 cơ sở chăn nuôi ở 233 thôn, thuộc 79 xã, 11 huyện, thị xã, thành phố, xảy ra dịch, làm chết và tiêu hủy 7.259 con với tổng trọng lượng 425.963 kg. Nguyên nhân xảy ra dịch: Dịch tả lợn Châu Phi chưa có vắc xin tiêm phòng, hộ chăn nuôi nhỏ lẻ không đảm bảo điều kiện cách ly, mầm bệnh tồn tại ngoài môi trường, từ các ổ dịch cũ, thời tiết bất lợi làm dịch bệnh phát sinh.

- Bệnh lở mồm long móng gia súc: Trong tháng 12/2021 không có ổ dịch mới. Tính chung cả năm 2021, tổng số con gia súc bệnh là 1.397 con; chết: 144 con.

- Bệnh cúm gia cầm: Trong tháng 12/2021 không có ổ dịch mới. Tính chung cả năm 2021, tổng số gà chết và tiêu hủy 2.845 con.

- Bệnh tai xanh ở lợn: Không xảy ra ổ dịch nào.

- Ngoài ra, còn có các bệnh thông thường như: tụ huyết trùng, dịch tả, phó thương hàn, tiêu chảy ở vật nuôi xảy ra rải rác, nhỏ lẻ tại các địa phương trong tỉnh đã bao vây dập tắt không để lây lan diện rộng.

1.2. Lâm nghiệp

Năm 2021, khai thác gỗ rừng trồng nguyên liệu giấy tăng mạnh, tạo quỹ đất cho trồng rừng. Trong tháng 01 năm 2022, thời tiết thuận lợi (mưa đều), người dân đẩy nhanh tiến độ trồng rừng. Diện tích rừng trồng tập trung trong tháng ước đạt 3.450 ha, tăng 4,9% so với cùng tháng năm 2021. Sản lượng gỗ khai thác trong tháng ước đạt 133.420 m³, tăng 7,1% so với tháng 01 năm 2021.

Hoạt động lâm nghiệp tháng 01 năm 2022

(So với cùng kỳ năm trước)



Trong tháng 01/2022, thời tiết có mưa, ẩm ướt nên không phát sinh cháy rừng. Qua tổ chức 24 đợt truy quét, 46 đợt kiểm tra và 157 đợt tuần tra quản lý

bảo vệ rừng, phát hiện 11 vụ vi phạm Luật Bảo vệ và Phát triển rừng, thu giữ 4,84 m³ gỗ xẻ các loại; thu nộp ngân sách nhà nước 73,87 triệu đồng.

1.3. Thủy sản

Sản lượng thủy sản tháng 01 năm 2022 ước đạt 19.594,7 tấn, tăng 2,9% (546,1 tấn) so với tháng 01 năm 2021.

a) Khai thác: Sản lượng khai thác trong tháng 01 năm 2022 ước đạt 19.117,5 tấn, tăng 2,3% (438,4 tấn) so với cùng kỳ năm 2021, trong đó sản lượng thủy sản khai thác biển đạt 19.053,7 tấn, tăng 2,4% (440,9 tấn) và sản lượng thủy sản khai thác nội địa đạt 63,7 tấn, giảm 3,8% (2,5 tấn). Nguyên nhân sản lượng thủy sản khai thác tăng là do tình hình thời tiết thuận lợi, thời gian nghỉ trong năm nhiều nên thu nhập giảm sút, các tàu và ngư dân tăng ra khơi đánh bắt để có thu nhập trang trải các chi phí sinh hoạt trong dịp Tết.

b) Nuôi trồng: Ước tính tháng 01 năm 2022, toàn tỉnh thả nuôi 728,2 ha thủy sản các loại, tăng 1,47% (10,6 ha) so với cùng kỳ năm 2021. Trong đó diện tích nuôi cá đạt 623,7 ha, giảm 2,8% (18,3 ha); diện tích nuôi tôm đạt 54,2 ha, giảm 6,6% (3,8 ha) và diện tích nuôi trồng thủy sản khác đạt 50,3 ha, tăng 184,2% (32,6 ha) so với cùng kỳ năm 2021. Trong tháng, dịch bệnh nuôi trồng thủy sản không xảy ra.

Ước tính trong tháng, thu hoạch 477,3 tấn thủy sản, tăng 29,1% (107,7 tấn) so với tháng 01 năm 2021; trong đó, sản lượng cá nuôi trồng đạt 73,8 tấn, giảm 27,3% (27,8 tấn); tôm nuôi đạt 178,9 tấn, giảm 7,0% (13,5 tấn); thủy sản khác đạt 224,6 tấn, tăng 196,9% (148,9 tấn). Nguyên nhân sản lượng thủy sản nuôi trồng tháng 01 năm 2022 tăng so với cùng kỳ chủ yếu là sản lượng thu hoạch thủy sản khác (ốc hương) ở Mộ Đức tăng do người nuôi xuất bán phục vụ nhu cầu tiêu dùng trước và trong Tết Nguyên đán Nhâm Dần 2022. Tuy là tháng giáp Tết nhưng sản lượng thu hoạch tôm để bán giảm do người nuôi tôm mới thả nuôi, tôm nuôi chưa đạt ngày tuổi, giá bán thấp.

Hoạt động thủy sản tháng 01 năm 2022

(So với cùng kỳ năm trước)



2. Sản xuất công nghiệp

Sản xuất công nghiệp trên địa bàn tỉnh từ cuối năm 2021 đến nay đã dần thích ứng với trạng thái bình thường mới để vừa chống dịch, vừa sản xuất trên

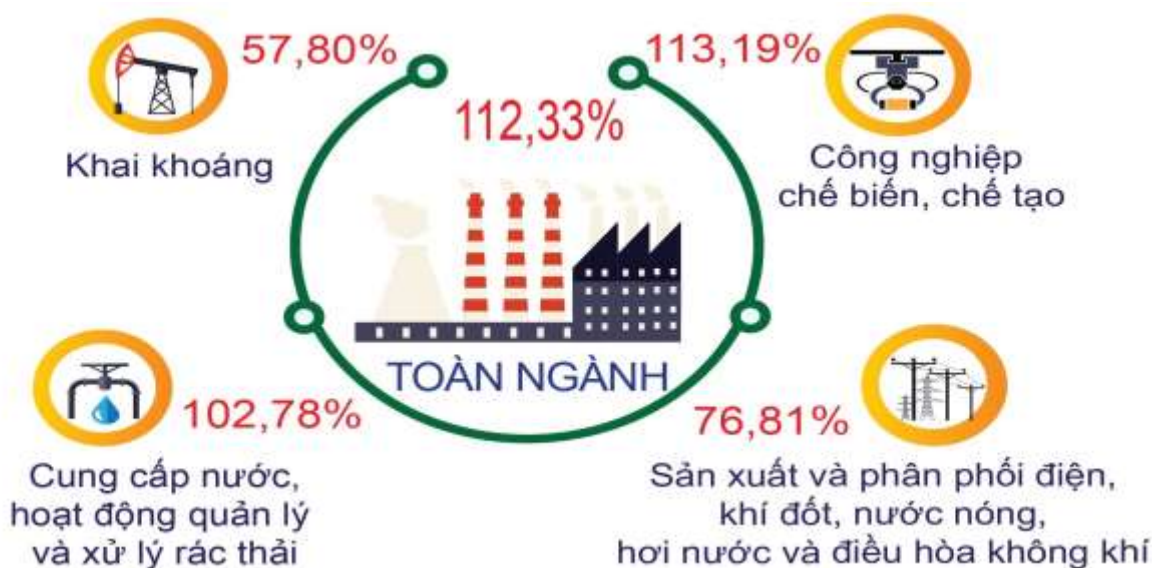
tinh thần chung là “thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch bệnh Covid-19” theo đúng Nghị quyết số 128/NQ-CP ngày 11/10/2021 của Chính phủ. Kết quả sản xuất công nghiệp tháng 01 năm 2022 có những dấu hiệu tích cực, chỉ số sản xuất công nghiệp tháng 01 năm 2022 tăng 12,33% so với cùng kỳ năm trước; chỉ số sử dụng lao động tháng 01 năm 2022 tăng 24,14% so với cùng kỳ; chỉ số tiêu thụ sản phẩm ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 29,62% so với cùng kỳ; chỉ số tồn kho đến thời điểm 31/01/2022 giảm 34,37% so với cùng thời điểm năm trước.

- Chỉ số sản xuất công nghiệp

Chỉ số sản xuất công nghiệp tháng 01 năm 2022 giảm 6,52% so với tháng trước, trong đó công nghiệp khai khoáng giảm 40,79%; công nghiệp chế biến, chế tạo (có tỷ trọng lớn) giảm 6,61%; sản xuất và phân phối điện giảm 31,27%; cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng 5,74%. Nguyên nhân sản xuất công nghiệp giảm so tháng trước chủ yếu do một số sản phẩm giảm mạnh, cụ thể như: Sữa các loại trên địa bàn tỉnh giảm 1.013 ngàn lít; bia các loại giảm 1.858 ngàn lít; giày da các loại giảm 268 ngàn đôi; sản phẩm lọc hóa dầu giảm 67.964 tấn; gạch xây dựng các loại giảm 4.340 ngàn viên; sắt thép các loại giảm 34.135 tấn; điện sản xuất giảm 33,57 triệu kwh.

So với cùng kỳ năm trước, chỉ số sản xuất công nghiệp tháng này tăng 12,33%. Trong đó, ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tăng khá với 13,19%; ngành công nghiệp cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng nhẹ với 2,78%; ngành công nghiệp khai khoáng và ngành sản xuất, phân phối điện có chỉ số sản xuất giảm sâu.

Chỉ số sản xuất công nghiệp tháng 01 năm 2022
(So với cùng kỳ năm trước)



Trong các ngành công nghiệp cấp II, đa số các ngành có chỉ số công nghiệp tăng so với cùng kỳ. Trong đó, một số ngành có chỉ số sản xuất tăng cao hơn mức tăng chung so với cùng kỳ năm trước, đóng góp vào tăng trưởng chung

của ngành công nghiệp như: Sản xuất chế biến thực phẩm tăng 42,16%; dệt tăng 43,35%; sản xuất da và các sản phẩm có liên quan tăng 34,04%; sản xuất kim loại tăng 21,72%; sản xuất máy móc, thiết bị chưa được phân vào đâu tăng 63,62%; sản xuất phương tiện vận tải khác tăng 15,54%; sửa chữa, bảo dưỡng và lắp đặt máy móc và thiết bị tăng 101,0%; riêng sản phẩm lọc hóa dầu tăng 1,18%. Tuy nhiên, một số ngành có mức sản xuất giảm là: Hoạt động khai khoáng khác giảm 42,2%; sản xuất đồ uống giảm 1,46%; chế biến gỗ và sản xuất sản phẩm từ gỗ, tre, nứa (trừ giường, tủ, bàn, ghế) - sản xuất sản phẩm từ rom, rạ và vật liệu tết bện giảm 43,4%; sản xuất sản phẩm từ kim loại đúc sẵn (trừ máy móc, thiết bị) giảm 14,53%; sản xuất sản phẩm điện tử, máy tính và sản phẩm quang học giảm 78,4%; sản xuất và phân phối điện giảm 23,19%; hoạt động khai thác, xử lý và cung cấp nước giảm nhẹ; hoạt động thoát nước và xử lý nước thải giảm 15,09%.

Một số sản phẩm công nghiệp trong tháng tăng khá so cùng kỳ năm trước như: Đá khai thác ước đạt 95,55 ngàn m³, tăng 33,9% (24,17 ngàn m³); sữa các loại trên địa bàn tỉnh ước đạt 4.100 ngàn lít, tăng 49,1% (1.350 ngàn lít); Sợi ước đạt 4.528 tấn, tăng 25,7% (926 tấn); giày da các loại ước đạt 1.390 ngàn đôi, tăng 34,0% (353 ngàn đôi); sắt, thép ước đạt 470.000 tấn, tăng 13,0% (54.140 tấn); cuộn cảm ước đạt 13.916 ngàn cái, tăng 29,5% (3.173 ngàn cái)... Tuy nhiên, có một số sản phẩm giảm mạnh so cùng kỳ như: Tinh bột mỳ trên địa bàn ước đạt 5.434 tấn, giảm 47,9% (-4.988 tấn); bánh kẹo các loại ước đạt 1.020 tấn, giảm 16,2% (-197 tấn); quần áo may sẵn ước đạt 970 ngàn cái, giảm 42,1% (-706 ngàn cái); dăm gỗ nguyên liệu giấy ước đạt 52.310 tấn, giảm 43,4% (-40.117 tấn); sản phẩm lọc hóa dầu ước đạt 551.130 tấn, giảm 7,1% (-41.887 tấn)...

- Chỉ số tiêu thụ và tồn kho ngành công nghiệp chế biến, chế tạo

Chỉ số tiêu thụ toàn ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tháng 01/2022 ước tính giảm 19,49% so với tháng trước và tăng 29,62% so cùng kỳ năm trước. So với tháng trước, chỉ có 02 ngành cấp II có chỉ số tiêu thụ tăng là: Sản xuất trang phục tăng 16,02%; chế biến gỗ và sản xuất sản phẩm từ gỗ, tre, nứa (trừ giường, tủ, bàn, ghế) - sản xuất sản phẩm từ rom, rạ và vật liệu tết bện tăng 22,84%. Các ngành cấp II còn lại có chỉ số tiêu thụ giảm gồm: Sản xuất chế biến thực phẩm giảm 10,55%; sản xuất đồ uống giảm 8,78%; dệt giảm 13,31%; sản xuất than cốc, sản phẩm dầu mỏ tinh chế giảm 19,71%; sản xuất hoá chất và sản phẩm hoá chất giảm 26,83%; sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại khác giảm 3,03%; sản xuất kim loại giảm 21,82%; sản xuất sản phẩm từ kim loại đúc sẵn (trừ máy móc, thiết bị) giảm 51,28%; sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính và sản phẩm quang học giảm 37,37%.

Chỉ số tồn kho toàn ngành công nghiệp chế biến, chế tạo ước tính tại thời điểm 31/01/2022 tăng 18,2% so với cùng thời điểm tháng trước và giảm 34,37% so với cùng thời điểm năm trước. So với cùng thời điểm tháng trước, đa số các ngành cấp II có chỉ số tồn kho tăng, trong đó một số ngành tăng cao như: Sản xuất chế biến thực phẩm tăng 15,79%; dệt tăng 29,97%; ngành sản xuất hóa chất và sản phẩm hóa chất tăng 28,0%; sản xuất kim loại tăng 31,17%... Chỉ có 03

ngành có chỉ số tồn kho giảm là: Sản xuất đồ uống giảm 0,11%; sản xuất trang phục giảm 15,39%; sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại khác giảm 3,82%.

- Chỉ số sử dụng lao động của doanh nghiệp công nghiệp

Chỉ số sử dụng lao động đang làm việc trong các doanh nghiệp công nghiệp dự tính tại thời điểm 31/01/2022 tăng 0,84% so với cùng thời điểm tháng trước và tăng 24,14% so với cùng thời điểm năm trước.

So với cùng thời điểm tháng trước, chỉ số sử dụng lao động của các loại hình doanh nghiệp đều tăng: Khu vực doanh nghiệp nhà nước tăng 0,55%; khu vực doanh nghiệp ngoài nhà nước tăng 0,86%; khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài tăng 0,91%. Tại thời điểm trên, chỉ số sử dụng lao động trong các doanh nghiệp công nghiệp khai khoáng giảm 2,21% so với cùng thời điểm tháng trước; công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 0,9%; sản xuất, phân phối điện không tăng, không giảm; cung cấp nước, xử lý rác thải, nước thải tăng 0,26%.

Trong các ngành công nghiệp cấp II điều tra tính chỉ số sử dụng lao động thì có 05 ngành có chỉ số sử dụng lao động giảm so với cùng thời điểm tháng trước là: Khai khoáng giảm 2,21%; sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại khác giảm 0,15%; sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính và sản phẩm quang học giảm 1,02%; sản xuất máy móc, thiết bị chưa được phân vào đâu giảm 0,36%; sản xuất phương tiện vận tải khác giảm 0,15%. Các ngành còn lại đều tăng hoặc bằng tháng trước, trong đó có 03 ngành tăng khá là: Sản xuất trang phục tăng 1,9%; sản xuất da và các sản phẩm có liên quan tăng 1,49% và sản xuất sản phẩm từ kim loại đúc sẵn (trừ máy móc, thiết bị) tăng 1,96%.

Ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tháng 01 năm 2022

(So với cùng kỳ năm trước)



3. Tình hình đăng ký doanh nghiệp

Trong tháng (tính đến ngày 20/01/2022), toàn tỉnh có 65 doanh nghiệp đăng ký thành lập mới; trong đó, công ty cổ phần 06 đơn vị; công ty TNHH 2TV trở lên 09 đơn vị; công ty TNHH 1TV 49 đơn vị; doanh nghiệp tư nhân 01 đơn vị; với tổng số vốn đăng ký 295,7 tỷ đồng, tăng 47,7% về số doanh nghiệp và tăng 4,4% về số vốn đăng ký so với cùng kỳ năm trước. Vốn đăng ký bình quân 1 doanh nghiệp đạt 4,55 tỷ đồng, giảm 29,35% so với cùng kỳ năm trước. Bên cạnh đó, trong tháng có 147 doanh nghiệp hoạt động trở lại, tăng 12,2% so cùng kỳ năm

trước; có 204 doanh nghiệp đăng ký tạm ngừng hoạt động, tăng 34,2%; có 20 doanh nghiệp đã giải thể, tăng 100%.

Đăng ký doanh nghiệp tháng 01 năm 2022

(So cùng kỳ năm trước)



4. Đầu tư và xây dựng

Trong tháng thời tiết thuận lợi cho công tác thi công xây lắp, song là tháng đầu năm nên chưa có công trình khởi công mới, chủ yếu khối lượng thực hiện từ các công trình chuyển tiếp. Do đó, vốn đầu tư thực hiện từ nguồn vốn ngân sách nhà nước do địa phương quản lý trong tháng giảm so với tháng trước và tăng nhẹ so với cùng kỳ năm trước.

Vốn đầu tư thực hiện từ nguồn vốn nhà nước do địa phương quản lý trong tháng ước đạt 316,8 tỷ đồng, giảm 39,1% so với tháng trước. Trong đó, chủ yếu vốn đầu tư thực hiện trong tháng thuộc nguồn vốn ngân sách nhà nước 299,8 tỷ đồng; vốn trái phiếu chính phủ, vốn vay và vốn tự có của doanh nghiệp nhà nước trong tháng chưa phát sinh; vốn khác 17,0 tỷ đồng. So với cùng kỳ năm trước, vốn đầu tư thực hiện từ nguồn vốn nhà nước do địa phương quản lý tăng 5,8%. Trong đó, vốn ngân sách nhà nước trung ương tăng 8,3%; vốn ngân sách nhà nước địa phương giảm 13,3%.

Vốn đầu tư thực hiện từ nguồn vốn Nhà nước

do địa phương quản lý tháng 01 năm 2022

(So cùng kỳ năm trước)



5. Thương mại, dịch vụ, giá cả

Tháng 01 năm 2022 là tháng cận Tết Nguyên đán Nhâm Dần 2022, đồng thời nhờ các biện pháp phòng, chống dịch thay đổi linh hoạt phù hợp trong tình hình mới nên số lượng lớn công dân từ các tỉnh khác về quê đón Tết; tỷ lệ bao phủ vắc xin Covid-19 mũi 2 cao (nhiều địa phương trong tỉnh đang tích cực triển khai tiêm vắc xin mũi 3) nên hoạt động thương mại, dịch vụ, vận tải trong tháng diễn ra sôi động hơn hẳn so với tháng trước. Tuy nhiên so với cùng kỳ năm trước, các ngành dịch vụ và vận tải vẫn bị sụt giảm bởi ảnh hưởng của dịch Covid-19.

5.1. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng:

Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tháng 01/2022 ước đạt 5.189,8 tỷ đồng, tăng 11,93% so với tháng trước và tăng 7,14% so với tháng cùng kỳ năm trước. Bao gồm: tổng mức bán lẻ hàng hóa đạt 4.386,9 tỷ đồng, tương ứng tăng 10,74% và tăng 14,41%; dịch vụ lưu trú đạt 7,3 tỷ đồng, tương ứng tăng 7,18% và giảm 58,40%; dịch vụ ăn uống đạt 526,5 tỷ đồng, tăng 28,87% và giảm 23,28%; dịch vụ du lịch lữ hành trong tháng tiếp tục không phát sinh doanh thu; dịch vụ tiêu dùng khác đạt 269,1 tỷ đồng, tương ứng tăng 3,64% và giảm 11,78%.

Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tháng 01 năm 2022 (So cùng kỳ năm trước)



Trong tổng mức bán lẻ hàng hóa, hầu hết các nhóm hàng đều tăng so với tháng trước và tháng cùng kỳ năm trước, chủ yếu do Tết Nguyên đán 2022 rơi vào đầu tháng 02 nên mọi hoạt động mua sắm Tết đều diễn ra trong tháng 01, do đó tổng mức bán lẻ hàng hóa tăng khá cao so với tháng trước và tháng cùng kỳ năm trước (Tết Nguyên đán 2021 rơi vào giữa tháng 02). Trong tháng, chỉ có nhóm vật phẩm, văn hóa, giáo dục giảm so với tháng trước và tháng cùng kỳ năm trước do nhu cầu tiêu dùng giảm khi học sinh vừa kết thúc kỳ thi học kì I và nghỉ Tết Nguyên đán.

Đối với các ngành dịch vụ, doanh thu dịch vụ lưu trú, ăn uống và dịch vụ tiêu dùng khác tăng so với tháng trước là do nhu cầu ăn uống ngoài gia đình như cưới hỏi, lễ tiệc, hội nghị,... cuối năm tăng mạnh, bên cạnh đó các biện pháp chống dịch đã được thay đổi linh hoạt phù hợp người dân xa quê về ăn Tết, riêng dịch vụ du lịch hiện tại vẫn đóng băng. So với tháng cùng kỳ năm trước, doanh thu dịch vụ lưu trú, ăn uống và dịch vụ tiêu dùng khác giảm mạnh là do tháng

cùng kỳ năm trước ít bị ảnh hưởng bởi dịch, mọi hoạt động dịch vụ đều diễn ra bình thường.

5.2. Chỉ số giá tiêu dùng, chỉ số giá vàng và đô la Mỹ

Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 01/2022 tăng 0,23% so với tháng trước và tăng 2,61% so với tháng cùng kỳ năm trước. So với tháng trước có 9/11 nhóm hàng hóa và dịch vụ có chỉ số giá tăng, gồm: Hàng ăn và dịch vụ ăn uống tăng 0,03% (bao gồm: lương thực giảm 0,35%; thực phẩm tăng 0,08%; ăn uống ngoài gia đình tăng 0,04%); đồ uống và thuốc lá tăng 1,20%; may mặc, mũ nón, giày dép tăng 1,18%; thiết bị và đồ dùng gia đình tăng 0,53%; thuốc và dịch vụ y tế tăng 0,08% (trong đó dịch vụ y tế ổn định, không tăng không giảm); giao thông tăng 1,18%; giáo dục tăng 0,01% (trong đó dịch vụ giáo dục ổn định, không tăng không giảm); văn hoá, giải trí và du lịch tăng 0,05%; hàng hoá và dịch vụ khác tăng 0,59%. Có 2/11 nhóm hàng hóa và dịch vụ có chỉ số giảm, gồm: Nhà ở, điện nước, chất đốt và VLXD giảm 0,39%; bưu chính viễn thông giảm 0,04%.

Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) bình quân tháng 01/2022 so cùng kỳ tăng 2,61%, trong đó có 8/11 nhóm hàng hóa và dịch vụ có chỉ số tăng, gồm: Đồ uống và thuốc lá tăng 5,20%; may mặc, mũ nón, giày dép tăng 2,84%; nhà ở, điện nước, chất đốt và VLXD tăng 9,38%; thiết bị và đồ dùng gia đình tăng 4,29%; thuốc và dịch vụ y tế tăng 0,41% (trong đó dịch vụ y tế ổn định, không tăng không giảm); giao thông tăng 1,18%, đây là nhóm hàng có chỉ số giá tăng cao nhất trong rổ hàng hóa; văn hoá, giải trí và du lịch tăng 1,03%; hàng hoá và dịch vụ khác tăng 1,78%. Có 3/11 nhóm hàng hóa và dịch vụ có chỉ số giảm, gồm: Hàng ăn và dịch vụ ăn uống giảm 1,04% (bao gồm: lương thực ổn định, không tăng không giảm, thực phẩm giảm 2,91%; ăn uống ngoài gia đình tăng 2,46%); bưu chính viễn thông giảm 1,80%; giáo dục giảm 6,17% (trong đó dịch vụ giáo dục giảm 7,06%);

Chỉ số giá vàng trong tháng tăng 0,87% so với tháng trước; tăng 9,53% so với cùng tháng năm trước. Chỉ số giá đô la Mỹ tháng 01/2022 giảm 0,31% so với tháng trước; giảm 1,22% so với cùng tháng năm trước.

Chỉ số giá tiêu dùng (CPI)



100,23%

Tháng 01/2022
so với tháng 12/2021

102,61%

Bình quân
tháng 01 so với cùng kỳ

5.3. Hoạt động vận tải (không kể vận tải đường sắt)

Vận tải hành khách tháng 01/2022 ước đạt 211 nghìn lượt khách với mức luân chuyển 51.189 nghìn lượt khách.km, so với tháng trước tăng 62,08% về vận chuyển và tăng 91,81% về luân chuyển, tương ứng giảm 61,99% và giảm 62,14% so với tháng cùng kỳ năm trước. Trong đó, vận tải hành khách đường bộ ước đạt 180 nghìn lượt khách với mức luân chuyển 50.266 nghìn lượt khách.km, tương ứng tăng 70,06% và tăng 93,60% so với tháng trước và giảm tương ứng 65,38% và 62,53% so với tháng cùng kỳ năm trước; vận tải hành khách đường biển ước đạt 31 nghìn lượt khách với mức luân chuyển 923 nghìn lượt khách.km, tương ứng tăng 27,51% và tăng 27,62% so với tháng trước và giảm tương ứng 12,53% và 12,23% so với tháng cùng kỳ năm trước. Vận tải hành khách tháng 01/2022 tăng cao so với tháng trước là do tháng cận Tết Nguyên đán nên nhu cầu đi lại tăng, cộng với dịch vụ hiếu hỉ trong tháng tăng dẫn đến nhu cầu đi lại bằng phương tiện ô tô khách 7 chỗ ngồi và 16 chỗ ngồi tăng cao. Vận tải hành khách so với tháng cùng kỳ năm trước giảm mạnh là do tình hình dịch bệnh Covid-19 vẫn diễn biến phức tạp, cộng với lực lượng học sinh, sinh viên học trực tuyến nên nhu cầu đi lại giảm mạnh.

Vận tải hàng hóa tháng 01/2022 ước đạt 1.028 nghìn tấn với mức luân chuyển 161.705 nghìn tấn.km, tăng 36,0% về vận chuyển và tăng 38,99% về luân chuyển so với tháng trước; tương ứng giảm 6,72% và giảm 8,68% so với tháng cùng kỳ năm trước. Trong đó, vận tải hàng hóa bằng đường bộ ước đạt 1.012 nghìn tấn với mức luân chuyển 161.213 nghìn tấn.km, tăng 36,14% về vận chuyển và tăng 39,03% về luân chuyển so với tháng trước, và giảm tương ứng 6,76% và 8,70% so với tháng cùng kỳ năm trước; vận tải hàng hóa bằng đường biển ước đạt 16 nghìn tấn với mức luân chuyển 492 nghìn tấn.km, cùng tăng 27,80% cả về vận chuyển và luân chuyển so với tháng trước, tương ứng giảm 4,36% và giảm 4,32% so với tháng cùng kỳ năm trước. Nguyên nhân vận tải hàng hóa tháng 01/2022 tăng cao so với tháng trước là do tháng cận Tết nên nhu cầu vận chuyển hàng hóa phục vụ Tết tăng, tuy nhiên so với tháng cùng kỳ giảm do mấy ngày cuối tháng là cận Tết nên nhu cầu vận tải hàng hóa phục vụ Tết cũng như phục vụ các công trình xây dựng chững lại.

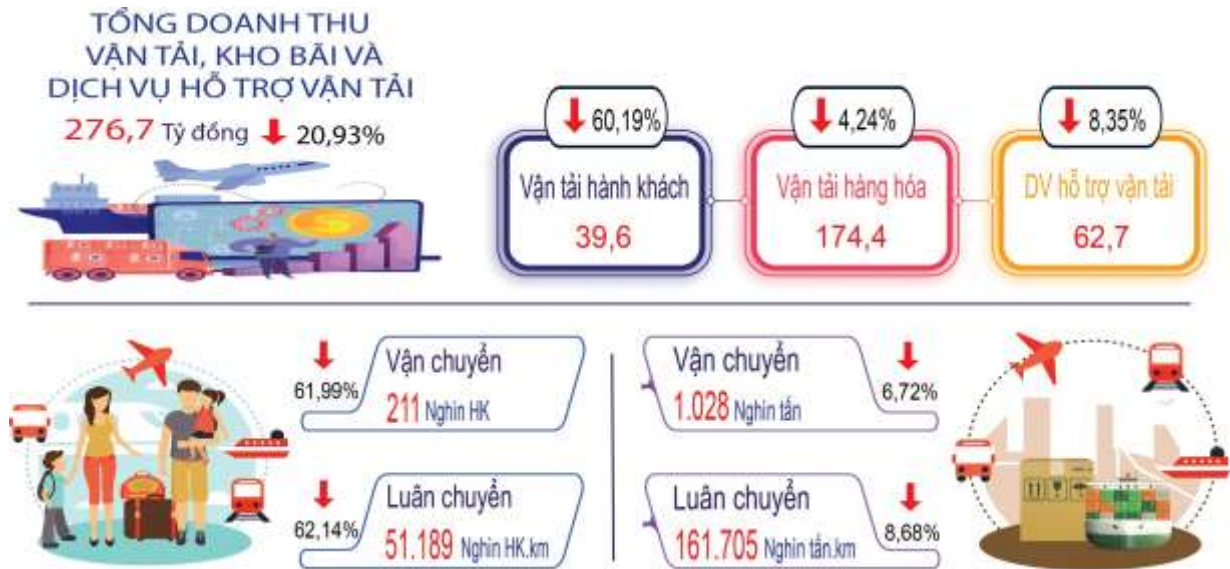
Doanh thu hoạt động vận tải, kho bãi và dịch vụ hỗ trợ vận tải tháng 01/2022 ước đạt 276,7 tỷ đồng, tăng 25,72% so với tháng trước và giảm 20,93% so với tháng cùng kỳ năm trước. Phân theo ngành kinh tế: Doanh thu vận tải đường bộ đạt 206,4 tỷ đồng, tương ứng tăng 30,78% và giảm 24,52%; doanh thu vận tải đường thủy đạt 7,6 tỷ đồng, tương ứng tăng 33,45% và giảm 6,28%; dịch vụ hỗ trợ vận tải đạt 62,7 tỷ đồng, tương ứng tăng 10,83% và giảm 8,35%. Phân theo ngành vận tải: Doanh thu vận tải hành khách ước đạt 39,6 tỷ đồng, tương ứng tăng 66,11% và giảm 60,19%; doanh thu vận tải hàng hoá ước đạt 174,4 tỷ đồng, tương ứng tăng 24,86% và giảm 4,24%; doanh thu dịch vụ hỗ trợ vận tải ước đạt 62,7 tỷ đồng, tương ứng tăng 10,83% và giảm 8,35%.

Nguyên nhân doanh thu vận tải, kho bãi và dịch vụ hỗ trợ vận tải tháng 01/2022 tăng so với tháng trước là do tháng này cận Tết Nguyên đán nên nhu cầu

đi lại tăng; nhu cầu vận chuyển hàng hóa phục vụ Tết tăng; cộng với nhu cầu xuất nhập khẩu hàng hóa có nhiều khởi sắc dẫn đến dịch vụ hỗ trợ vận tải tăng. So với tháng cùng kỳ năm trước, doanh thu vận tải, kho bãi và dịch vụ hỗ trợ vận tải giảm chủ yếu do doanh thu vận tải hành khách giảm do người dân về quê ăn Tết giảm mạnh so với cùng kỳ năm trước.

Hoạt động vận tải tháng 01 năm 2021

(So với cùng kỳ năm trước)



6. Một số vấn đề xã hội

6.1. Tình hình dịch bệnh, ngộ độc thực phẩm

* Phòng, chống dịch Covid-19 (tính đến 15h00 ngày 18/01/2022):

Số ca mắc Covid-19 tại tỉnh từ ngày 01/01/2021 đến nay là 10.188 ca bệnh. Trong đó, tổng số ca hiện đang điều trị 3.166 ca (tại nhà 2.883 ca; tại khu cách ly F0 tập trung 133 ca; tại bệnh viện 150 ca); số ca khỏi bệnh 6.987 ca (tại nhà 2.665 ca; tại khu cách ly F0 tập trung 438 ca; tại bệnh viện 3.884 ca). Số bệnh nhân tử vong 35 bệnh nhân.

Tiêm chủng vắc xin ngừa COVID-19:

- + Tổng số vắc xin theo Quyết định phân bổ của Bộ Y tế: 2.101.584 liều.
- + Tổng số vắc xin tỉnh đã nhận: 1.935.754 liều.
- + Lũy tích số người tiêm ít nhất 1 mũi vắc xin: 861.257 người (đạt tỷ lệ 99,3% số người từ 18 tuổi trở lên).
- + Lũy tích số người tiêm 2 mũi vắc xin: 849.486 người (đạt tỷ lệ 98,0% số người từ 18 tuổi trở lên).

+ Số người từ 18 tuổi trở lên đã tiêm chủng mũi nhắc lại: 74.497 người (đạt tỷ lệ 8,6%).

+ Số người từ 18 tuổi trở lên đã tiêm chủng mũi bổ sung: 851 người (đạt tỷ lệ 0,1%).

+ Số trẻ 12 – 17 tuổi đã tiêm chủng 1 mũi vắc xin: 111.608 trẻ (đạt tỷ lệ 99,1%).

+ Số trẻ 12 – 17 tuổi đã tiêm chủng 2 mũi vắc xin: 94.405 trẻ (đạt tỷ lệ 83,9%).

*** Tình hình dịch bệnh khác:**

Một số dịch bệnh khác trên địa bàn tỉnh trong tháng như sau: Số người mắc sốt xuất huyết 20 ca, giảm 202 ca so với tháng 12/2021, không có tử vong; số ca mắc bệnh Tay - Chân - Miệng 8 ca; Cúm 163 ca; Tiêu chảy 218 ca; Ly trực trùng 16 ca; Ly A míp 18 ca; Thủy đậu 9 ca.

* **An toàn thực phẩm:** Kiểm tra định kỳ tại các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm, kinh doanh dịch vụ ăn uống, bếp ăn tập thể.¹ Trong tháng không xảy ra ngộ độc thực phẩm.

6.2. Hoạt động văn hoá, thể thao

Hoàn thiện các hồ sơ di tích cấp quốc gia, di tích cấp tỉnh năm 2021. Sở Văn hoá – Thể thao và Du lịch tham mưu UBND tỉnh ra quyết định xếp hạng di tích lịch sử cấp tỉnh đối với 5 di tích: Hầm Xác máu (huyện Mộ Đức); Địa đạo Phú Lộc (huyện Mộ Đức); Vụ thám sát bãi biển Tân An (huyện Mộ Đức); Di tích chiến thắng Giá Vực (huyện Ba Tơ) và Di tích chiến thắng Nước Lầy (huyện Ba Tơ). Thực hiện chỉnh lý kết quả khai quật khảo cổ tại khu vực mặt bằng xây dựng công trình hồ chứa nước Nước Trong.

Sở đã chỉ đạo, hướng dẫn các địa phương, đơn vị trực thuộc triển khai công tác tuyên truyền và tổ chức các hoạt động kỷ niệm các ngày lễ lớn và sự kiện lịch sử - chính trị - xã hội trong sáu tháng đầu năm 2022; mừng Đảng - mừng Xuân Nhâm Dần và các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương. Xây dựng, triển khai Kế hoạch tổ chức các hoạt động văn hóa, thể thao và du lịch mừng Đảng – mừng Xuân Nhâm Dần năm 2022. Xây dựng chương trình, tổ chức biểu diễn nghệ thuật Chương trình nghệ thuật đón giao thừa chào năm mới 2022 với chủ đề “ Khát vọng xuân ”, ghi hình và phát trên sóng của đài Phát thanh – Truyền hình tỉnh Quảng Ngãi PTQ cùng các nền tảng trực tuyến khác (YouTube, Facebook...).

Sở đã phối hợp với Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh tổ chức thành công giải thể thao truyền thống nhân kỷ niệm Ngày thành lập Quân đội Nhân dân Việt Nam và Ngày hội quốc phòng toàn dân (22/12). Triển khai Kế hoạch tổ chức Giải Cờ tướng mừng Đảng – mừng Xuân Nhâm Dần 2022.

¹ Toàn tỉnh kiểm tra 746 cơ sở thực phẩm, phát hiện vi phạm và nhắc nhở 22 cơ sở.

Tham gia Giải Vô địch Wushu các đội mạnh quốc gia. Cử vận động viên đội Năng khiếu Cầu lông tỉnh Quảng Ngãi tập trung đội tuyển trẻ Cầu Lông quốc gia tại Trung tâm Huấn luyện thể thao quốc gia Đà Nẵng năm 2022.

6.3. Tình hình tai nạn giao thông

Tình hình tai nạn giao thông trong tháng 01/2022 (từ ngày 15/12/2021 đến 14/01/2022), toàn tỉnh đã xảy ra 14 vụ, chết 13 người, bị thương 01 người, thiệt hại tài sản trị giá khoảng 26 triệu đồng. So với tháng 01/2021: Giảm 03 vụ, tăng 06 người chết, giảm 18 người bị thương. So với tháng 12/2021: Giảm 16 vụ, giảm 01 người chết, giảm 25 người bị thương). Cụ thể:

- **Tai nạn giao thông (TNGT) đường bộ:** Xảy ra 14 vụ, chết 13 người, bị thương 01 người, thiệt hại tài sản trị giá khoảng 26 triệu đồng. So với tháng 01/2021: Giảm 03 vụ, tăng 06 người chết, giảm 18 người bị thương. So với tháng 12/2021: Giảm 16 vụ, giảm 01 người chết, giảm 25 người bị thương. Trong đó:

+ *TNGT hậu quả ít nghiêm trọng trở lên:* Xảy ra 13 vụ, chết 13 người, thiệt hại tài sản khoảng 24 triệu đồng. So với tháng 01/2021: Tăng 06 vụ, tăng 06 người chết, giảm 02 người bị thương. So với tháng 12/2021: Giảm 01 vụ, giảm 01 người chết, giảm 05 người bị thương.

+ *Va chạm giao thông:* Xảy ra 01 vụ, bị thương 01 người, thiệt hại tài sản khoảng 2 triệu đồng. So với tháng 01/2021: Giảm 09 vụ, giảm 16 người bị thương. So với tháng 12/2021: Giảm 15 vụ, giảm 20 người bị thương.

- **TNGT đường sắt:** Không xảy ra (So với tháng 01/2021 và tháng 12/2021: Không tăng, không giảm).

- **TNGT đường thủy nội địa:** Không xảy ra (So với tháng 01/2021 và tháng 12/2021: Không tăng, không giảm).